

ĐỀ ÁN

**Quy định tạm thời về vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng,
Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hậu Giang**

Phần thứ Nhất

**TÍNH CẤP THIẾT; CĂN CỨ; ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI
VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: “Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm^[1]. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế lựa chọn, đánh giá, sàng lọc để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã đề ra chủ trương giải pháp: “Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, coi đây là giải pháp căn bản mang tính tiền đề để thực hiện cải cách tiền lương,... rà soát bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về vị trí việc làm và các tiêu chí đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức gắn với từng vị trí việc làm trong khu vực công để làm căn cứ tuyển dụng, sử dụng, đánh giá và trả lương đối với cán bộ, công chức, viên chức” và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổ chức, cán bộ đó là: “Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị, tinh giản biên chế theo vị trí việc làm, có trọng tâm, trọng điểm gắn với nâng cao chất lượng, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đến năm 2025, cơ bản hoàn thiện xây dựng vị trí việc làm trong từng cơ quan, tổ chức, làm cơ sở để xác định tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2026 - 2031”.

Quán triệt sâu sắc và nghiêm túc triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIV xác định: “Đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, hoàn thiện đề án vị

^[1] Vị trí việc làm bao gồm: Danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, biên chế, cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

trí việc làm và thực hiện việc trả lương theo vị trí việc làm”; Chương trình số 50-CTr/TU ngày 09/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: “Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, cơ cấu hợp lý” và Đề án số 06-ĐA/TU ngày 01/5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thí điểm đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ, ngang tầm nhiệm vụ chỉ rõ: “Cả hệ thống chính trị thống nhất nhận thức và hành động, quyết tâm thực hiện tinh giản biên chế, bảo đảm hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao. Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm, cơ cấu công chức, viên chức hợp lý để xác định biên chế phù hợp...Khẩn trương triển khai xây dựng vị trí việc làm và khung năng lực vị trí việc làm của cán bộ trong hệ thống chính trị tỉnh để thực hiện quản lý biên chế, tinh giản biên chế, bố trí cán bộ theo vị trí việc làm”.

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, trong những năm qua, tỉnh Hậu Giang đã quan tâm lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ ngày càng chặt chẽ, thực chất và hiệu quả hơn. Thực hiện đồng bộ ở tất cả các khâu, đảm bảo đúng các quy định, quy trình, đúng người trong công tác cán bộ. Việc quản lý biên chế và thực hiện tinh giản biên chế được tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Tỷ lệ giảm biên chế đạt kế hoạch Trung ương giao.

Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Tinh giản biên chế chủ yếu là giảm cơ học, chưa gắn chặt với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ hàng năm tại nhiều cơ quan, đơn vị chưa đúng thực chất với kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ, sản phẩm công việc cụ thể của cá nhân và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Công tác đánh giá còn hình thức, tình trạng nể nang, né tránh trách nhiệm, ngại va chạm và dân chủ hình thức trong đánh giá cán bộ vẫn còn khá phổ biến. Trình độ, năng lực của một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa ngang tầm nhiệm vụ, đây là “điểm nghẽn” thách thức lớn nhất trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và các đột phá chiến lược trong giai đoạn phát triển mới.

Trong khi đó, Hậu Giang là tỉnh có xuất phát điểm thấp so với các địa phương trong vùng và cả nước. Quy mô kinh tế nhỏ, GRDP chỉ chiếm khoảng 4% tổng GRDP toàn vùng; thu nội địa thấp, tỷ lệ tự cân đối ngân sách chỉ khoảng 40%, chủ yếu nhận điều tiết hỗ trợ từ Trung ương. Ba tụt hậu được nhận diện: Quy mô kinh tế nhỏ và khoảng cách chênh lệch ngày càng tụt xa; tăng trưởng kinh tế giảm dần và thấp hơn mức tăng cả nước; tăng thu ngân sách hàng năm (cả số tuyệt đối và tỷ trọng) thấp hơn tăng chi ngân sách.

Với tinh thần “Đổi mới, đột phá, quyết tâm và khát vọng”, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua định hướng chiến lược và quy hoạch phát triển tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030 đã đề ra mục tiêu xây dựng tỉnh Hậu Giang vươn lên trở thành tỉnh khá, tiến tới tự cân đối ngân sách. Nâng thu nhập bình quân đầu người trong tỉnh cao hơn mức bình quân khu vực: Giai đoạn 2021 - 2025: Tăng trưởng kinh tế đạt tốc độ 7,5 - 8%/năm; thu ngân sách tăng 20%/năm; giai đoạn 2026 - 2030: Tăng trưởng kinh tế 10 - 12%/năm; thu ngân sách tăng 15%/năm; năm 2030 tỉnh tự cân đối thu chi ngân sách, thu nhập bình quân đầu người: 150 triệu đồng/1 người.

Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định 1 trong 3 nhiệm vụ đột phá chiến lược là “tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về công tác cán bộ gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài”. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Đề án thí điểm đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, tập trung vào hệ thống giải pháp đồng bộ, bảo đảm liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ, chú trọng giải pháp (đầu vào), thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, qua đó đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển dụng cán bộ.

Thông qua việc xây dựng vị trí việc làm là cơ sở quan trọng, căn cứ khoa học để thực hiện có hiệu quả, thực chất công tác đánh giá cán bộ qua sản phẩm công việc, số lượng, chất lượng công việc; là căn cứ để xác định biên chế, chỉ tiêu thi nâng ngạch, thăng hạng, tuyển dụng, bố trí sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và tinh giản biên chế hàng năm. Qua đó, nâng cao tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm tự đào tạo, hoàn thiện cá nhân trong thực thi công việc, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cán bộ, cơ quan, đơn vị.

Do đó, việc xây dựng Đề án tạm thời về vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hậu Giang là rất cấp thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

2. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

3. Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị.

4. Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tình hình biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

5. Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026.

6. Các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội^[2].

7. Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

8. Các Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương về việc ban hành tạm thời Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm^[3].

9. Quyết định số 165-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Hậu Giang năm 2022 và Quyết định số 82-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2026.

10. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

11. Chương trình số 50-CTr/TU ngày 09/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kết luận số 159-KL/TU ngày 25/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Chương trình số 50-CTr/TU ngày 09/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

^[2] Quy định số 137-QĐ/TW ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư “quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương”; Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh; Quy định số 338-QĐ/TW ngày 26/11/2010 của Ban Bí thư về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan báo đảng tỉnh, thành phố; Quy định số 46-QĐ/TW, ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của huyện, thị, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy và Quy định số 293-QĐ/TW ngày 23/3/2010 của Ban Bí thư Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh, thành phố.

^[3] Quyết định số 2474- QĐ/BTCTW ngày 15/3/2018 về việc ban hành tạm thời Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm công chức ngành Tổ chức xây dựng Đảng và các Quyết định số 4127, 4128, 4129, 4130, 4131, 4134, 4135, 4136, 4137, 4138-QĐ/BTCTW ngày 29/01/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về việc ban hành tạm thời Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm công chức các ngành Tuyên giáo, Dân vận, Kiểm tra Đảng, Nội chính, Văn phòng cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân.

12. Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

13. Đề án số 05-ĐA/TU ngày 01/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp.

14. Quy định số 1120-QĐ/TU ngày 01/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

15. Đề án số 06-ĐA/TU ngày 01/5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thí điểm đổi mới tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng cán bộ trẻ, ngang tầm nhiệm vụ.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

Đề án này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong chỉ tiêu biên chế và hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao (*gọi chung là cán bộ*) thuộc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Phạm vi

Xác định vị trí việc làm, biên chế, khung năng lực, cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Hậu Giang.

Danh mục vị trí việc làm, biên chế và khung năng lực, cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo Đề án này làm căn cứ để tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, thăng hạng, bố trí và sử dụng cán bộ trong các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiêu chuẩn về ngạch để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý áp dụng quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Mục tiêu

3.1. Xác định rõ trong một cơ quan, tổ chức có bao nhiêu vị trí công tác và ứng với mỗi vị trí thì cần bao nhiêu biên chế làm việc để hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan đó.

3.2. Xác định khung năng lực của cán bộ ở mỗi cấp độ từ đơn giản đến phức tạp. Định hướng đào tạo, tuyển dụng, luân chuyển cán bộ đáp ứng yêu cầu thực tế.

3.3. Xác định biên chế cần thiết, hợp lý cho mỗi cơ quan, đơn vị; sắp xếp lại đội ngũ cán bộ tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3.4. Tinh giản biên chế dồi dư do năng suất, hiệu quả công việc kém; không đủ tiêu chuẩn và không sắp xếp được việc làm.

Phần thứ Hai

THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG, CƠ QUAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

I. THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy

1.1. Cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, có 06 cơ quan gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy. Phòng và tương đương thuộc cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy hiện có 21 phòng, bình quân mỗi cơ quan có 3,5 phòng^[4]. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy định số 04-QĐ/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

1.2. Cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện, có 40 cơ quan, mỗi huyện, thị, thành ủy có 05 cơ quan gồm: Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận và Văn phòng. Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

2. Đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy: Có 01 đơn vị là Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, được hợp nhất từ Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh^[5]. Đảng ủy Khối thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 293-QĐ/TW ngày 23/3/2010 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh, thành phố; Quy định số 294-QĐ/TW ngày 23/3/2010 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh, thành phố; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy Khối và Đoàn Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 46-QĐ/TW, ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc

^[4] Ban Tổ chức Tỉnh ủy có 04 phòng, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có 03 phòng, Ban Nội chính Tỉnh ủy có 02 phòng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có 04 phòng, Ban Dân vận Tỉnh ủy có 03 phòng và Văn phòng Tỉnh ủy có 05 phòng, giảm 09 phòng so với thời điểm 30/6/2017, trong đó: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy giảm 01 phòng, Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy giảm 02 phòng và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giảm 03 phòng.

^[5] Giảm 01 đơn vị và giảm 05 phòng và tương đương trực thuộc đảng ủy khối cấp tỉnh.

tỉnh ủy, thành ủy. Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

3. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

3.1. Cấp tỉnh có 06 cơ quan gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh. Số các ban, văn phòng trực thuộc cơ quan Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội hiện có 16, bình quân mỗi cơ quan có 2,67 ban, văn phòng^[6].

3.2. Cấp huyện có 48 cơ quan, mỗi huyện, thị xã, thành phố có 06 cơ quan gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp ủy

4.1. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy: Có 02 đơn vị là Báo Hậu Giang và Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang, số đầu mỗi trực thuộc đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh có 10 đầu mỗi^[7]. Đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 338-QĐ/TW ngày 26/11/2010 của Ban Bí thư về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan báo đảng tỉnh, thành phố, Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4.2. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp ủy cấp huyện có 08 đơn vị, mỗi huyện, thị xã, thành phố có 01 đơn vị là Trung tâm Chính trị cấp huyện, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 208-QĐ/TW ngày 08/11/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm chính trị cấp huyện.

^[6] Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có 03 đầu mỗi, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh mỗi cơ quan có 02 đầu mỗi, Liên đoàn Lao động tỉnh có 04 đầu mỗi, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh có 03 đầu mỗi. Giảm 16 đầu mỗi so với thời điểm 30/6/2017. Trong đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giảm 02 đầu mỗi, Hội Nông dân tỉnh giảm 03 đầu mỗi, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh giảm 04 đầu mỗi, Hội Cựu chiến binh tỉnh giảm 02 đầu mỗi, Liên đoàn Lao động tỉnh giảm 02 đầu mỗi, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh giảm 03 đầu mỗi.

^[7] Báo Hậu Giang có 05 đầu mỗi; Trường Chính trị tỉnh có 05 đầu mỗi, giảm 02 đầu mỗi so với thời điểm 30/6/2017. Trong đó, Trường Chính trị tỉnh giảm 02 đầu mỗi.

II. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ VÀ THỰC HIỆN LỘ TRÌNH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ ĐẾN HẾT NĂM 2026

1. Thực trạng biên chế cán bộ, công chức, viên chức

Biên chế có mặt đến thời điểm 15/11/2023 là 679 biên chế (gồm: 579 biên chế cán bộ, công chức và 100 biên chế viên chức), cụ thể như sau:

1.1. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy:

Tổng số biên chế các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy là 123 biên chế, bình quân mỗi cơ quan có 20,5 biên chế. Trong đó:

- (1) Ban Tổ chức Tỉnh ủy 23 biên chế.
- (2) Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy 16 biên chế.
- (3) Ban Nội chính Tỉnh ủy 13 biên chế.
- (4) Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy 19 biên chế.
- (5) Ban Dân vận Tỉnh ủy 16 biên chế.
- (6) Văn phòng Tỉnh ủy 36 biên chế.

1.2. Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh 22 biên chế.

1.3. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tổng số biên chế các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh là 73 biên chế, bình quân mỗi cơ quan có 12,17 biên chế. Trong đó:

- (1) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh 15 biên chế.
- (2) Hội Nông dân tỉnh 12 biên chế.
- (3) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh 11 biên chế.
- (4) Liên đoàn Lao động tỉnh 13 biên chế.
- (5) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh 13 biên chế.
- (6) Hội Cựu chiến binh tỉnh 9 biên chế.

1.4. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy

Tổng số biên chế đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy là 71 biên chế, bình quân mỗi cơ quan có 35,5 biên chế. Trong đó:

- (1) Báo Hậu Giang 28 biên chế.
- (2) Trường Chính trị tỉnh 43 biên chế.

1.5. Biên chế các huyện, thị, thành ủy.

Tổng số biên chế cán bộ, công chức, viên chức 08 huyện, thị, thành ủy là 390 biên chế, bình quân mỗi huyện, thị, thành ủy có 48,75 biên chế. Trong đó:

(1) Thành ủy Vị Thanh có 51 biên chế. Bình quân mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy có 5,4 biên chế; đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy có 04 biên chế; bình quân mỗi cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố có 03 biên chế.

(2) Thành ủy Ngã Bảy có 51 biên chế. Bình quân mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy có 5,4 biên chế; đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy có 04 biên chế; bình quân mỗi cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố có 03 biên chế.

(3) Thị ủy Long Mỹ có 43 biên chế. Bình quân mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc Thị ủy có 4,4 biên chế; đơn vị sự nghiệp thuộc Thị ủy có 03 biên chế; bình quân mỗi cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã có 2,7 biên chế.

(4) Huyện ủy Long Mỹ có 46 biên chế. Bình quân mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy có 05 biên chế; đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện ủy có 03 biên chế; bình quân mỗi cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện có 03 biên chế.

(5) Huyện ủy Vị Thủy có 49 biên chế. Bình quân mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy có 5,2 biên chế; đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện ủy có 04 biên chế; bình quân mỗi cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện có 2,7 biên chế.

(6) Huyện ủy Phụng Hiệp có 56 biên chế. Bình quân mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy có 5,4 biên chế; đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện ủy có 04 biên chế; bình quân mỗi cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện có 3,8 biên chế.

(7) Huyện ủy Châu Thành có 48 biên chế. Bình quân mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy có 5,4 biên chế; đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện ủy có 02 biên chế; bình quân mỗi cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện có 2,8 biên chế.

(8) Huyện ủy Châu Thành A có 46 biên chế. Bình quân mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy có 4,4 biên chế; đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện ủy có 05 biên chế; bình quân mỗi cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện có 2,8 biên chế.

2. Lộ trình tinh giản biên chế đến hết năm 2026

Thực hiện các Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương về giao biên chế tỉnh Hậu Giang¹⁸¹, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 142-KH/TU ngày

¹⁸¹ Quyết định số 165-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Hậu Giang năm 2022; Quyết định số 82-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2026.

07/12/2022 về quản lý biên chế tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2026 để thực hiện nghiêm các quyết định của Ban Tổ chức Trung ương, trong đó xác định:

2.1. Tổng biên chế các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2022 là 700 biên chế, trong đó:

(1) Biên chế cán bộ, công chức là 598.

(2) Biên chế viên chức là 102.

2.2. Tổng biên chế các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đến hết năm 2026 là 660 biên chế, trong đó:

(1) Biên chế cán bộ, công chức là 568, giảm 30 biên chế.

(2) Biên chế viên chức là 92, giảm 10 biên chế.

3. Nhận xét, đánh giá về thực trạng biên chế của tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giai đoạn 2015 - 2021. Số biên chế của tỉnh Hậu Giang làm cơ sở để tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 là **895** biên chế. Kết quả, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang chỉ đạo, thực hiện giảm 91 biên chế, **đạt 10,17%** số biên chế được Ban Tổ chức Trung ương giao. Theo đó, số người có mặt thời điểm **30/6/2021** là **804** người, cụ thể như sau:

(1) Biên chế cán bộ, công chức là **672** biên chế (*598 cán bộ, công chức và 74 biên chế chưa sử dụng, đang hợp đồng chờ thi tuyển vào công chức*)^[9].

(2) Số viên chức **102** người.

(3) Hợp đồng theo Nghị định 68 là **30** người.

Theo Quyết định số 82-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương, biên chế cán bộ, công chức khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh Hậu Giang đến năm 2026 là **568** biên chế và Quyết định số 165-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương, biên chế cán bộ, công chức khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh Hậu Giang năm 2022 là **598** biên chế cán bộ, công chức. Như vậy, tính đến năm 2026, biên chế cán bộ, công chức phải giảm **104** biên chế, tỷ lệ **15,48%** và chỉ trong năm 2022, so với biên chế thời điểm 30/6/2021, biên chế cán bộ, công chức đã phải giảm đi **74** biên chế, tỷ lệ giảm **11,01%**.

Hiện nay, biên chế cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh Hậu Giang thấp hơn so với một số tỉnh trong khu vực có điều kiện tương đồng về đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, quy mô dân số^[10], do đó, hầu hết biên

^[9] Trường hợp không tính 74 chỉ tiêu biên chế công chức chưa sử dụng thì tổng số biên chế tỉnh giản là 91+ 74 = **165** biên chế, đạt 18,44%.

^[10] (1) Tỉnh Bạc Liêu có 07 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, dân số 918.500 người; biên chế giai đoạn 2022 - 2026 được giao 713 người. (2) Tỉnh Vĩnh Long có 08 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, diện tích tự nhiên 1.525,7 km², dân số 1.029.000 người; biên chế giai đoạn 2022 - 2026 được giao 832 người, riêng tỉnh Hậu

chế các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh rất thấp (*cụ thể như: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: 16, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: 19, Ban Dân vận Tỉnh ủy: 16, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội từ 11 - 15 biên chế*); đồng thời, biên chế các huyện từ 43 - 56 biên chế; riêng huyện Châu Thành A, huyện Long Mỹ và thị xã Long Mỹ từ 43 - 46 biên chế. Mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện từ 4-5 biên chế; cơ quan tham mưu, giúp việc của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện từ 3-4 biên chế.

Với thực trạng biên chế hiện nay, đòi hỏi Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang phải đẩy mạnh việc cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm để nâng cao năng suất làm việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

III. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Thực trạng cơ cấu ngạch công chức, viên chức

Số lượng, cơ cấu ngạch công chức, viên chức hiện có, tổng số: 658 người. Trong đó: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 11 người (tỉ lệ 1,67%); Chuyên viên chính và tương đương: 170 người (tỉ lệ 25,84%); Chuyên viên và tương đương: 457 người (tỉ lệ 69,45%); Cán sự và tương đương: 18 người (tỉ lệ 2,74%); Nhân viên: 02 người (tỉ lệ 0,3%), cụ thể như sau:

1.1. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy:

Chuyên viên cao cấp và tương đương: 6 người (tỉ lệ 4,87%); Chuyên viên chính và tương đương: 57 người (tỉ lệ 46,34%); Chuyên viên và tương đương: 57 người (tỉ lệ 46,34%); Cán sự và tương đương: 01 người (tỉ lệ 0,81%); Nhân viên: 02 người (tỉ lệ 1,62%). Trong đó:

(1) Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Chuyên viên chính và tương đương: 08 người (tỉ lệ 34,79%); Chuyên viên và tương đương: 15 người (tỉ lệ 65,21%).

(2) Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 01 người (tỉ lệ 6,25%); Chuyên viên chính và tương đương: 11 người (tỉ lệ 68,75%); Chuyên viên và tương đương: 04 người (tỉ lệ 25%).

(3) Ban Nội chính Tỉnh ủy: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 01 người (tỉ lệ 7,69%); Chuyên viên chính và tương đương: 06 người (tỉ lệ 46,15%); Chuyên viên và tương đương: 06 người (tỉ lệ 46,15%).

(4) Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 00 người (tỉ lệ 00%); Chuyên viên chính và tương đương: 11 người (tỉ lệ 57,89%); Chuyên viên và tương đương: 08 người (tỉ lệ 42,11%).

(5) Ban Dân vận Tỉnh ủy: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 01 người (tỉ lệ 6,25%); Chuyên viên chính và tương đương: 05 người (tỉ lệ 31,25%); Chuyên viên và tương đương: 10 người (tỉ lệ 62,5%).

(6) Văn phòng Tỉnh ủy: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 03 người^[11] (tỉ lệ 8,33%); Chuyên viên chính và tương đương: 16 người (tỉ lệ 44,44%); Chuyên viên và tương đương: 14 người (tỉ lệ 38,89%); Cán sự và tương đương: 01 người (tỉ lệ 2,77%); Nhân viên: 02 người (tỉ lệ 5,56%).

1.2. Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 01 người (tỉ lệ 4,55%); Chuyên viên chính và tương đương: 10 người (tỉ lệ 45,45%); Chuyên viên và tương đương: 11 người (tỉ lệ 50%).

1.3. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

Chuyên viên cao cấp và tương đương: 01 người (tỉ lệ 1,15%); Chuyên viên chính và tương đương: 21 người (tỉ lệ 31,82%); Chuyên viên và tương đương: 44 người (tỉ lệ 66,66%). Trong đó:

(1) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chuyên viên chính và tương đương: 06 người (tỉ lệ 40%); Chuyên viên và tương đương: 09 người (tỉ lệ 60%).

(2) Hội Nông dân tỉnh: Chuyên viên chính và tương đương: 04 người (tỉ lệ 33,33%); Chuyên viên và tương đương: 08 người (tỉ lệ 66,67%).

(3) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Chuyên viên chính và tương đương: 04 người (tỉ lệ 36,36%); Chuyên viên và tương đương: 07 người (tỉ lệ 63,63%).

(4) Liên đoàn Lao động tỉnh: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 01 người (tỉ lệ 7,69%); Chuyên viên chính và tương đương: 05 người (tỉ lệ 38,46%); Chuyên viên và tương đương: 07 người (tỉ lệ 53,84%).

(5) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh: Chuyên viên chính và tương đương: 02 người (tỉ lệ 15,38%); Chuyên viên và tương đương: 12 người (tỉ lệ 84,61%).

(6) Hội Cựu chiến binh tỉnh: Chuyên viên và tương đương: 02 người (tỉ lệ 100%). Không áp dụng cơ cấu ngạch đối với cán bộ nghỉ hưu làm việc tại Hội Cựu Chiến binh.

1.4. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy:

Chuyên viên chính và tương đương: 16 người (tỉ lệ 22,53%); Chuyên viên và tương đương: 53 người (tỉ lệ 74,64%); Cán sự và tương đương: 02 người (tỉ lệ 2,83%). Trong đó:

(1) Báo Hậu Giang: Chuyên viên chính và tương đương: 08 người (tỉ lệ 28,57%); Chuyên viên và tương đương: 18 người (tỉ lệ 64,28%); Cán sự và tương đương: 02 người (tỉ lệ 7,14%).

(2) Trường Chính trị tỉnh: Chuyên viên chính và tương đương: 08 người (tỉ lệ 18,61%); Chuyên viên và tương đương: 35 người (tỉ lệ 81,39%).

1.5. Các huyện, thị, thành ủy:

^[11] Có 03 chuyên viên cao cấp (gồm 02 đồng chí Thường trực Tỉnh ủy và Chánh Văn phòng Tỉnh ủy).

Chuyên viên cao cấp và tương đương: 03 người (tỉ lệ 0,79%); Chuyên viên chính và tương đương: 66 người (tỉ lệ 17,55%); Chuyên viên và tương đương: 292 người (tỉ lệ 77,66%); Cán sự và tương đương: 15 người (tỉ lệ 3,99%). Trong đó:

(1) Thành ủy Vị Thanh: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 01 người (tỉ lệ 2%); Chuyên viên chính và tương đương: 05 người (tỉ lệ 10%); Chuyên viên và tương đương: 43 người (tỉ lệ 86%); Cán sự và tương đương: 02 người (tỉ lệ 2%).

(2) Thành ủy Ngã Bảy: Chuyên viên chính và tương đương: 10 người (tỉ lệ 20,40%); Chuyên viên và tương đương: 38 người (tỉ lệ 77,55%); Cán sự và tương đương: 01 người (tỉ lệ 2,04%).

(3) Thị ủy Long Mỹ: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 01 người (tỉ lệ 2,38%); Chuyên viên chính và tương đương: 09 người (tỉ lệ 21,42%); Chuyên viên và tương đương: 32 người (tỉ lệ 76,19%).

(4) Huyện ủy Long Mỹ: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 01 người (tỉ lệ 2,72%); Chuyên viên chính và tương đương: 12 người (tỉ lệ 27,27%); Chuyên viên và tương đương: 29 người (tỉ lệ 65,90%); Cán sự và tương đương: 02 người (tỉ lệ 4,54%).

(5) Huyện ủy Vị Thủy: Chuyên viên chính và tương đương: 10 người (tỉ lệ 21,27%); Chuyên viên và tương đương: 34 người (tỉ lệ 72,34%); Cán sự và tương đương: 03 người (tỉ lệ 6,38%).

(6) Huyện ủy Phụng Hiệp: Chuyên viên chính và tương đương: 04 người (tỉ lệ 7,40%); Chuyên viên và tương đương: 47 người (tỉ lệ 87,03%); Cán sự và tương đương: 03 người (tỉ lệ 5,55%).

(7) Huyện ủy Châu Thành: Chuyên viên chính và tương đương: 09 người (tỉ lệ 19,56%); Chuyên viên và tương đương: 35 người (tỉ lệ 76,08%); Cán sự và tương đương: 02 người (tỉ lệ 4,34%).

(8) Huyện ủy Châu Thành A: Chuyên viên chính và tương đương: 07 người (tỉ lệ 15,09%); Chuyên viên và tương đương: 34 người (tỉ lệ 77,27%); Cán sự và tương đương: 03 người (tỉ lệ 6,81%).

2. Nhận xét, đánh giá thực trạng cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, viên chức

Cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, viên chức hiện nay so với yêu cầu, nhiệm vụ vị trí việc làm theo các quyết định của Ban Tổ chức Trung ương về ban hành tạm thời Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm và việc thí điểm, bố trí cán bộ theo vị trí việc làm chưa đồng bộ. Số lượng cán bộ có ngạch chuyên viên cao cấp và chuyên viên chính còn thiếu; số lượng cán bộ giữ ngạch chuyên viên, cán sự, nhân viên thừa; một số cơ quan, đơn vị thừa cán bộ có ngạch chuyên viên chính nhưng chưa thực hiện việc điều tiết, sắp xếp lại giữa các cơ quan với nhau.

Phần thứ Ba
CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN
XÂY DỰNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM; KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM,
BIÊN CHẾ, KHUNG NĂNG LỰC, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, VIÊN
CHỨC VÀ BỐ TRÍ CÁN BỘ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng vị trí việc làm

Xác định ý nghĩa tầm quan trọng của Đề án, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 1909-QĐ/TU ngày 15/3/2023 thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng danh mục vị trí việc làm trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hậu Giang gồm 29 đồng chí, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo; thành lập Tổ Giúp việc, ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng vị trí việc làm.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc xây dựng Đề án, Ban Chỉ đạo đã tổ chức 05 cuộc họp, hội nghị để triển khai, quán triệt; Tổ Giúp việc tổ chức họp 09 cuộc để phân công, tổ chức thực hiện, thẩm định Đề án, tiến hành khảo sát thực tế ở các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức Hội nghị lấy ý kiến với trên 350 đại biểu của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Dự thảo Đề án đã được sự tham gia góp ý tích cực, trách nhiệm cao của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thống nhất rất cao tại hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 27/11/2023 (14/14 đồng chí, tỷ lệ 100% nhất trí).

Để hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện, Ban Chỉ đạo đã ban hành Hướng dẫn số 01-HD/BCĐ ngày 26/9/2023, trong đó xác định rõ các mốc thời gian cụ thể và quy trình triển khai thực hiện, đặc biệt quá trình xây dựng vị trí việc làm, Ban Chỉ đạo tỉnh đề ra 05 nguyên tắc, đó là:

Thứ nhất, Tuân thủ các quy định của Đảng, Nhà nước về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị.

Thứ hai, Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức với sử dụng và quản lý biên chế cán bộ, công chức, viên chức. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn.

Thứ ba, Gắn tình giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong các cơ quan, đơn vị. Không lấy số lượng cán bộ hiện có để xây dựng danh mục vị trí việc làm mà phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được Trung ương quy định và tình hình thực tế công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thứ tư, Thống kê số giờ làm việc trong năm của 01 cán bộ có thể bằng, ít hơn hoặc nhiều hơn số giờ chuẩn theo quy định của Bộ Luật Lao động, nhưng tổng số giờ của tất cả cán bộ trong cơ quan không được vượt quá tổng số giờ chuẩn của từng cán bộ nhân với tổng số cán bộ trong cơ quan, đơn vị đó.

Thứ năm, Tổng số cán bộ theo vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị, địa phương không được cao hơn số lượng biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương đó theo lộ trình tinh giản biên chế đến hết năm 2026 (*công chức giảm 5%, viên chức giảm 10%*).

2. Quy trình xây dựng vị trí việc làm

Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện quy trình xây dựng vị trí việc làm đảm bảo qua 9 bước theo Hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tỉnh, như sau:

Bước 1: Thu thập, thống kê công việc cá nhân, tổ chức, cơ quan:

Ở bước này, yêu cầu từng cá nhân tiến hành liệt kê các công việc được giao hoặc hoạt động đã thực hiện trong một năm qua, có sản phẩm cụ thể, thời gian thực hiện theo biểu thống kê công việc và mức độ phức tạp công việc của cá nhân^[12] (*vị trí chuyên môn nghiệp vụ: Biểu số 1.1; vị trí hỗ trợ phục vụ: Biểu số 1.2; vị trí lãnh đạo quản lý: Biểu số 1.3*).

Bộ phận tổ chức cán bộ của cơ quan tổng hợp nhiệm vụ, công việc của các phòng, ban thuộc cơ quan (*theo Biểu số 2.1*); nhóm các công việc trùng lặp do nhiều phòng, ban cùng thực hiện để xác định các công việc của cơ quan, đơn vị đảm bảo *không trùng lặp các công việc*; kết quả là bảng tổng hợp công việc, mã công việc của cơ quan (*theo Biểu số 2.2*).

^[12] Ví dụ về quy định mức độ phức tạp công việc của vị trí việc làm thuộc nhóm chuyên môn, nghiệp vụ, cụ thể như sau:

+ **Cấp độ 1**: Các công việc hỗ trợ, phục vụ, tương ứng với các nhiệm vụ, công việc chuyên môn của các vị trí việc làm đang đảm nhiệm: Thủ quỹ; Quản trị; Văn thư, lưu trữ; Phục vụ; Lái xe; Bảo vệ (*nếu có*). Đối với cơ quan Văn phòng cấp ủy, có vị trí công việc hỗ trợ phục vụ nhưng cũng là công việc chuyên môn nghiệp vụ như: Quản trị; Văn thư, lưu trữ.

+ **Cấp độ 2**: Các công việc chuyên môn, nghiệp vụ (*về xây dựng văn bản*), tương ứng ngạch chuyên viên và tương đương như: Trực tiếp soạn thảo các quy định cụ thể, các văn bản hướng dẫn để thực hiện chỉ thị, nghị quyết, quyết định về lĩnh vực công tác của ngành. Theo dõi, báo cáo tình hình về kết quả thực hiện chỉ thị, nghị quyết, quyết định về lĩnh vực ngành (*theo phân công*). Soạn thảo các công văn, thông báo, báo cáo ... của cơ quan, đơn vị mang tính định kỳ, thường xuyên hoặc đột xuất. Tham gia¹² xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện; Ban Chấp hành đảng bộ, Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện hoặc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện.

+ **Cấp độ 3**: Các công việc chuyên môn, nghiệp vụ (*về xây dựng văn bản*) tương ứng ngạch chuyên viên chính và tương đương như: Trực tiếp xây dựng hoặc tham gia xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh; các văn bản¹² thuộc thẩm quyền ban hành của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh. Chủ trì¹² hoặc trực tiếp xây dựng (*đối với vị trí trưởng, phó các cơ quan*) các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện; Ban Chấp hành đảng bộ, Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện hoặc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện.

+ **Cấp độ 4**: Các công việc chuyên môn, nghiệp vụ (*về xây dựng văn bản*) tương ứng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương như: Chủ trì hoặc trực tiếp xây dựng (*đối với vị trí trưởng, phó các cơ quan*) xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh; các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ngành, lĩnh vực hoặc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh.

+ **Cấp độ 5**: Các công việc chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng ngạch chuyên gia, chuyên gia cao cấp như: Chủ trì tham mưu hoạch định chiến lược, đề xuất những chủ trương, giải pháp có tầm ảnh hưởng bao quát, toàn diện nhiều lĩnh vực, có phạm vi tác động cả nước, cả hệ thống chính trị.

Bảng thống kê công việc của từng cá nhân được thông qua tập thể cấp phòng, ban thảo luận thống nhất trước khi trưởng phòng, ban ký xác nhận, trình tập thể lãnh đạo cơ quan ký duyệt.

Bước 2: Phân tích tổ chức: Xác định sự chồng chéo hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ đã liệt kê ở các Biểu số 2.1 và 2.2.

Bước 3: Phân nhóm công việc trong từng phòng, ban; cơ quan:

Trên cơ sở bảng thống kê công việc trong phòng, ban tại biểu số 2.1 và biểu thống kê công việc cơ quan tại biểu số 2.2, người đứng đầu phòng, ban; cơ quan chỉ đạo tổng hợp và phân nhóm công việc: Nhóm công việc lãnh đạo quản lý; Nhóm công việc chuyên môn, nghiệp vụ; Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ.

Trên cơ sở phân nhóm công việc, tiến hành phân tích mức độ phức tạp của công việc theo các tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức: (1) Nhân viên kỹ thuật, cán sự (2) Chuyên viên; (3) Chuyên viên chính; (4) Chuyên viên cao cấp; (5) Chuyên gia và chuyên gia cao cấp.

Bước 4: Thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ: Được tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận, thống nhất về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, việc phân công, bố trí, sử dụng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ, việc đáp ứng và sự phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ.

Bước 5: Xác định vị trí việc làm: (1) Đối với các cơ quan, đơn vị đã có danh mục vị trí việc làm theo các Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương^[13] thì căn cứ vào Quyết định đó để xây dựng danh mục vị trí việc làm.

(2) Đối với các cơ quan, đơn vị chưa có danh mục vị trí việc làm^[14] thì căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy được Trung ương quy định và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để xây dựng danh mục vị trí việc làm đảm bảo cơ bản tương quan với các cơ quan, đơn vị.

Bước 6: Xác định khung năng lực cho mỗi vị trí việc làm

Xác định khung năng lực cho vị trí việc làm bao gồm 03 nhóm: (1) Nhóm năng lực chung; (2) Nhóm năng lực chuyên môn; (3) Nhóm năng lực quản lý. Tương ứng với từng năng lực có các cấp độ từ thấp đến cao¹⁵. Kết quả xác định

^[13] Ban Tổ chức, Văn phòng, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ủy ban Kiểm tra, Ban Nội chính, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân cấp tỉnh và cấp huyện.

^[14] Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm Chính trị cấp huyện, Báo Hậu Giang, Hội Cựu Chiến binh tỉnh.

^[15] (1) Cấp độ 1: Có thể áp dụng năng lực này để thực hiện những công việc đơn giản hoặc sự vụ theo quy trình, chỉ định được hướng dẫn trước. Tập trung học hỏi, phát triển năng lực này; cần hướng dẫn, giám sát từ người khác. (2) Cấp độ 2: Có thể áp dụng năng lực này để hoàn thành công việc được giao theo mục tiêu, quy định, tiêu chuẩn đã xác định ở tầm xây dựng kế hoạch, triển khai nghiệp vụ chuyên môn của một nhóm, một bộ phận. Tập trung áp dụng và trau dồi năng lực; đôi lúc cần thêm sự hướng dẫn. (3) Cấp độ 3: Có thể áp dụng năng lực này để hoàn thành công việc được giao ở tầm xác định kế hoạch, chương trình của cơ quan hoặc mảng chuyên môn phụ trách. Có thể hỗ trợ hướng dẫn cho người khác phát triển năng lực này. (4) Cấp độ 4: Có thể áp dụng thành thạo năng lực này để hoàn thành công việc được giao ở tầm xác định mục tiêu, kế hoạch của cơ quan, một lĩnh vực chuyên môn. Được xem như người tư vấn trong cơ quan,

khung năng lực từng vị trí việc làm được tổng hợp theo từng cơ quan, đơn vị (theo các Phụ lục kèm theo Đề án).

Bước 7: Xây dựng bản mô tả vị trí việc làm (thực hiện theo Biểu số 4)

(1) Đối với các cơ quan, đơn vị đã có bản mô tả vị trí việc làm theo các Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương thì căn cứ vào Quyết định đó để xây dựng bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, bổ sung điều chỉnh, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, nhất là cần cụ thể hóa các tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (đối với vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ), bồi dưỡng quản lý Nhà nước, ngoại ngữ, tin học...

(2) Đối với các cơ quan, đơn vị chưa có bản mô tả vị trí việc làm thì căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy được Trung ương quy định và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để xây dựng bản mô tả vị trí việc làm đảm bảo cơ bản tương quan với các cơ quan, đơn vị.

Bước 8: Xác định cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và tính số lượng công chức, viên chức làm việc cho mỗi vị trí việc làm.

- Xác định ngạch cho từng vị trí việc làm: Căn cứ vào mức độ phức tạp của công việc, khung năng lực và bản mô tả vị trí việc làm để so sánh với tiêu chuẩn các ngạch công chức, viên chức để xác định ngạch tương ứng của từng vị trí việc làm. Nguyên tắc thực hiện như sau:

+ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị; số lượng người làm việc thực tế; mức độ phức tạp của công việc và số lượng biên chế được giao đến năm 2026 (*giảm 5% cán bộ, công chức và 10% viên chức*); tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức.

+ Kết quả tổng hợp số giờ thực hiện nhiệm vụ, công việc tương ứng với mức độ phức tạp của công việc chuyên môn, nghiệp vụ tính theo tỷ lệ phần trăm so với số người làm việc trong cơ quan, đơn vị đó.

+ Đảm bảo cân đối, hài hòa, phù hợp tương quan chung giữa các cơ quan, đơn vị, nhất là các đơn vị có đặc điểm, tính chất, nhiệm vụ tương đồng.

- Xác định số người làm việc cho mỗi vị trí việc làm:

+ Căn cứ để xác định: (1) Tính chất, yêu cầu và độ phức tạp của công việc; (2) Kế hoạch công tác, khối lượng công việc của vị trí (*số công việc, tiến độ và chất lượng*); (3) Sản phẩm đầu ra của công việc (ví dụ: dự thảo nghị quyết, chỉ thị,

ngành, địa phương khi có những vấn đề, tình huống khó phát sinh liên quan đến năng lực này. Có thể hướng dẫn cho người khác phát triển năng lực này. (5) Cấp độ 5: Có thể áp dụng thành thạo năng lực này để hoàn thành công việc được giao ở tầm hướng chiến lược, tầm nhìn dài hạn cho cả ngành. Được xem là chuyên gia trong ngành về lĩnh vực này. Có thể hướng dẫn người khác hoàn thiện hơn năng lực này.

quy định, đề án, công văn,...); (4) Năng suất lao động hiện tại (*được tính trên cơ sở thời gian bình quân cần thiết để hoàn thành một sản phẩm công việc, được tập thể cấp phòng, ban và cơ quan thảo luận thống nhất theo từng nhiệm vụ, công việc*); (5) Thời gian làm việc hằng năm được quy định theo Luật Lao động.

+ Số người cần thiết cho mỗi vị trí việc làm bằng tổng thời gian hoàn thành công việc của vị trí việc làm đó chia cho số thời gian chuẩn theo quy định (*01 người mức giờ chuẩn làm việc là 1.904 giờ làm việc trong năm*).

Bước 9: Thẩm định, hoàn thiện bản mô tả vị trí việc làm và tổng hợp danh mục vị trí việc làm, số lượng cán bộ trong cơ quan.

Đối với việc thống kê công việc cá nhân, xây dựng danh mục vị trí việc làm, khung năng lực vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức, số lượng người làm việc của các tổ chức cấp ban, phòng ở huyện được tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh của ngành đó xem xét, cho ý kiến thống nhất trước khi tổng hợp thành Đề án của các huyện, thị, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng, bộ phận tổ chức cán bộ của cơ quan hoàn thiện bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực của vị trí việc làm, số người làm việc của mỗi vị trí việc làm và tổng hợp danh mục vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức theo thứ tự: Vị trí lãnh đạo, quản lý; vị trí chuyên môn, nghiệp vụ; vị trí hỗ trợ, phục vụ (*theo biểu số 3 và biểu số 5*).

Các cơ quan, đơn vị xây dựng hoàn thành Đề án vị trí việc làm (*các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh xây dựng Đề án theo Mẫu số 1; các huyện, thị, thành ủy xây dựng Đề án tổng hợp theo Mẫu số 2*).

Trên cơ sở kết quả xây dựng Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị gửi về, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh tiến hành thẩm định, tổ chức hội nghị xin ý kiến góp ý các cơ quan, đơn vị, địa phương về kết quả thẩm định, trình Ban Chỉ đạo tỉnh cho ý kiến chỉ đạo; đồng thời tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo tỉnh, xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Đề án, trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, thảo luận và thông qua.

II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, KHUNG NĂNG LỰC, BIÊN CHẾ, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Về Danh mục vị trí việc làm và khung năng lực

1.1. Danh mục vị trí việc làm

Về danh mục vị trí việc làm: Tổng số vị trí việc làm được xác định là **322** vị trí^[16]. Trong đó, các cơ quan Đảng cấp tỉnh 123 vị trí; các cơ quan Mặt trận Tổ

^[16] Trong đó, đối với 02 chức danh (Bí thư Tỉnh ủy và Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy) thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thực hiện theo quy định của Trung ương.

quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh 84 vị trí; các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy 47 vị trí; các huyện, thị, thành ủy 68 vị trí.

1.2. *Khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị, địa phương (theo các Phụ lục từ 1.1 đến 1.16 đính kèm).*

2. Xác định biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

2.1. Tổng số biên chế cán bộ, công chức, viên chức là **660**, trong đó:

(1) Biên chế cán bộ, công chức **568** (*giảm 30 biên chế so với số Ban Tổ chức Trung ương giao năm 2022, đạt 5% tỷ lệ tinh giản biên chế đến hết năm 2026*).

(2) Biên chế viên chức **92** (*giảm 10 biên chế so với số Ban Tổ chức Trung ương giao năm 2022, đạt 10% tỷ lệ tinh giản biên chế đến hết năm 2026*).

2.2. Người lao động hợp đồng: 92 (*theo vị trí việc làm*).

3. Cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, viên chức

Kết quả xây dựng vị trí việc làm xác định cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hậu Giang, với cơ cấu như sau: Chuyên viên cao cấp và tương đương 19 người; chuyên viên chính và tương đương 221 người; chuyên viên và tương đương 395 người; cán sự và tương đương 01 người. Trong đó:

- Trong các cơ quan Đảng cấp tỉnh: Chuyên viên cao cấp và tương đương 10 người; chuyên viên chính và tương đương 71 người; chuyên viên và tương đương 58 người; không có cán sự và tương đương.

- Trong cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: Chuyên viên cao cấp và tương đương 05 người; chuyên viên chính và tương đương 37 người; chuyên viên và tương đương 24 người; không có cán sự và tương đương.

- Trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy: Chuyên viên cao cấp và tương đương 05 người; chuyên viên chính và tương đương 30 người; chuyên viên và tương đương 28 người; cán sự và tương đương 01 người^[17].

- Các huyện, thị, thành ủy: Không có cơ cấu chuyên viên cao cấp và tương đương; chuyên viên chính và tương đương 88 người; chuyên viên và tương đương 280 người; không có cán sự và tương đương.

^[17] Trong đó, Trường Chính trị tỉnh xác định chức danh nghề nghiệp theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn. Một trong các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 01 là “có ít nhất 60% giảng viên giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính và tương đương trở lên”; có 100% “Trưởng, phó khoa, phòng giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính và tương đương trở lên”; một trong các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 02 là “Lãnh đạo nhà trường, trưởng khoa, phó trưởng khoa giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I)”.

So sánh cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi xác định vị trí việc làm: Chuyên viên cao cấp và tương đương tăng 08 người; chuyên viên chính và tương đương tăng 51 người; chuyên viên và tương đương giảm 62 người; cán sự và tương đương giảm 18 người, nhân viên giảm 01 người.

4. Kết quả tổng hợp danh mục vị trí việc làm, biên chế và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trong từng cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hậu Giang

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Kết quả tổng hợp xác định vị trí việc làm										Ghi chú
		Số vị trí việc làm	Biên chế và hợp đồng đến năm 2026				Cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm (Không bao gồm hợp đồng lao động)					
			Biên chế			Hợp đồng theo Nghị định số 111	Tổng số	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự, nhân viên và tương đương	
			Tổng biên chế	Cán bộ, công chức	Viên chức							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG SỐ (I+II+III+IV)		322	660	568	92	92	635	19	221	395	1	
I	Cơ quan Đảng cấp tỉnh	123	138	138	0	21	138	10	69	59	0	
*	Thường trực Tỉnh ủy (Bí thư, Phó Bí thư Thường trực)	2	2	2			2	2				Biên chế giao tính trong Văn phòng Tỉnh ủy
1	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	14	21	21		3	21	2	12	7		
2	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	13	16	16		2	16	1	11	4		
3	Ban Nội chính Tỉnh ủy	17	14	14		2	14	1	6	7		
4	Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ	15	18	18		2	18	1	8	9		
5	Ban Dân vận Tỉnh ủy	12	15	15		2	15	1	5	9		
6	Văn phòng Tỉnh ủy	21	32	32		8	32	1	20	11		

7	Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	29	20	20		2	20	1	7	12		
II	Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh	84	74	74		14	66	4	34	28	0	
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	12	14	14		2	14	1	6	7		
2	Hội Nông dân tỉnh	15	13	13		2	13	1	6	6		
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	13	10	10		2	10	1	6	3		
4	Liên đoàn Lao động tỉnh	20	13	13		4	13	1	10	2		
5	Tinh đoàn	12	14	14		2	14		6	8		
6	Hội Cựu chiến binh tỉnh	12	10	10		2	2		0	2		<i>Cơ cấu ngạch không bao gồm cán bộ đã nghỉ hưu tham gia công tác hội</i>
III	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy	47	64	0	64	9	64	5	30	28	1	
1	Báo Hậu Giang	29	25		25	3	25	1	8	15	1	
2	Trường Chính trị tỉnh	18	39		39	6	39	4	22	13		
IV	Các huyện, thị, thành ủy	68	384	356	28	48	367	0	88	280	0	
1	Thành ủy Vị Thanh	Cấp huyện thống nhất chung 68 vị trí việc làm	49	46	3	6	47		11	36		
2	Thành ủy Ngã Bảy		47	44	3	6	45		11	34		
3	Thị ủy Long Mỹ		43	40	3	6	40		11	30		
4	Huyện ủy Long Mỹ		46	43	3	6	44		11	33		
5	Huyện ủy Vị Thủy		49	45	4	6	47		11	36		
6	Huyện ủy Phụng Hiệp		53	49	4	6	51		11	40		

7	Huyện ủy Châu Thành		52	48	4	6	50		11	39		
8	Huyện ủy Châu Thành A		45	41	4	6	43		11	32		

(Chi tiết vị trí việc làm, biên chế và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo các Phụ lục từ 2.1 đến 2.23 đính kèm).

III. BỐ TRÍ CÁN BỘ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Trên cơ sở khung danh mục vị trí việc làm, biên chế và cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, viên chức tại khoản 2, mục II, Phần thứ ba của Đề án này và bản mô tả vị trí việc làm sau khi được phê duyệt, các cơ quan, đơn vị bố trí, sử dụng cán bộ phù hợp với vị trí việc làm.

1. Đối với vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý

Cán bộ đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, được bố trí đảm nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý tương ứng với danh mục vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị, đồng thời phải kiêm nhiệm thêm 01 vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.

Đối với vị trí việc làm Chuyên viên cao cấp và tương đương thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý các cơ quan cấp tỉnh, về tiêu chuẩn ngạch, ngoài việc áp dụng theo Đề án này còn thực hiện theo quy định hiện hành của Trung ương. Về tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp và tương đương thực hiện theo kế hoạch hằng năm của Trung ương.

2. Đối với vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành

Bố trí vị trí việc làm chuyên viên chính nhóm nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành ở các cơ quan cấp tỉnh, cụ thể như sau: Trường hợp cơ quan, đơn vị hiện tại có số lượng cán bộ *(không giữ chức danh lãnh đạo, quản lý)* đang giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương cao hơn của Đề án này quy định, thì được giữ nguyên như thực trạng hiện có *(không cử cán bộ dự thi nâng ngạch, thăng hạng ngạch chuyên viên chính khi số lượng đã đủ hoặc vượt theo quy định)*.

Không bố trí vị trí việc làm chuyên viên chính nhóm nghiệp vụ chuyên ngành và nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung ở cấp huyện theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương *(trừ vị trí đó do lãnh đạo cơ quan, đơn vị kiêm nhiệm)*.

Đối với các cơ quan, đơn vị địa phương có cán bộ giữ ngạch công chức, viên chức, chưa đáp ứng theo vị trí việc làm theo yêu cầu của Đề án này, thì xem xét tạo điều kiện hoàn thiện tiêu chuẩn ngạch theo quy định.

3. Đối với vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ

Trên cơ sở biên chế hợp đồng lao động được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét bố trí cho phù hợp với biên chế và số lượng hợp đồng được giao.

Phần thứ Tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Những thuận lợi, khó khăn

1.1. Thuận lợi

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành nhiều chủ trương, quy định, quyết định, hướng dẫn về công tác đánh giá cán bộ, tinh giản biên chế, xây dựng vị trí việc làm, đặc biệt là Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW, ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và các Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương về việc ban hành tạm thời Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm^[18].

Đồng thời, Tỉnh ủy Hậu Giang đã ban hành đồng bộ nghị quyết, quy định, đề án về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công tác cán bộ; sự quyết tâm chính trị cao của cấp ủy, người đứng đầu các cấp ủy đảng, trước hết là của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 trong việc tạo chuyển biến rõ nét về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của tỉnh.

1.2. Khó khăn

Một số cơ quan, đơn vị chưa được cơ quan quản lý ngành ở Trung ương ban hành danh mục vị trí việc làm, khung năng lực để thống nhất thực hiện, nên tỉnh còn gặp khó khăn trong việc hướng dẫn xác định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo từng ngành^[19].

Thông qua việc thực hiện thống kê nhật ký công việc cá nhân, đánh giá cán bộ thông qua sản phẩm công việc và thời gian làm việc sẽ xác định rõ một bộ phận cán bộ có khối lượng, chất lượng công việc thấp; việc kê khai, thống kê nhật ký công việc cá nhân và thẩm định kết quả thống kê đòi hỏi phải kịp thời, chặt chẽ, đi vào nền nếp, vì vậy có thể gây tâm tư trong một bộ phận cán bộ, tạo tâm lý ngại

^[18] Quyết định số 2474-QĐ/BTCTW ngày 15/3/2018 về việc ban hành tạm thời Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm công chức ngành Tổ chức xây dựng Đảng và các Quyết định số 4127, 4128, 4129, 4130, 4131, 4134, 4135, 4136, 4137, 4138-QĐ/BTCTW, ngày 29/01/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về việc ban hành tạm thời Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm công chức các ngành Tuyên giáo, Dân vận, Kiểm tra Đảng, Nội chính, Văn phòng cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân.

^[19] Các cơ quan, đơn vị chưa được phê duyệt vị trí việc làm: Hội Cựu Chiến binh cấp tỉnh, cấp huyện; Bảo Hậu Giang; Trường Chính trị tỉnh; Trung tâm Chính trị cấp huyện.

khó khăn trong tổ chức thực hiện, do đó, đòi hỏi phải có sự quyết liệt, quyết tâm trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành mới đạt được kết quả theo mục tiêu đã đề ra.

2. Tính khả thi và hiệu quả mang lại của Đề án

Đề án được xây dựng xuất phát từ yêu cầu của công tác cán bộ trong giai đoạn mới, trên cơ sở bám sát các chủ trương, quan điểm, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với công tác cán bộ, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Các mục tiêu chủ yếu của Đề án được xác định trên cơ sở thống kê, phân tích, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ trong thời gian qua, được lấy ý kiến rộng rãi và nhận được sự đồng thuận cao của hệ thống chính trị trong tỉnh, có tính khả thi cao.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt Đề án sẽ khắc phục cơ bản những hạn chế trong công tác đánh giá cán bộ, sắp xếp, bố trí cán bộ theo vị trí việc làm. Từ đó, tạo sự chuyển biến vượt bậc trong việc nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ; nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công tác của cán bộ và cơ quan, đơn vị; tạo chuyển biến mạnh mẽ về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của tỉnh, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện hiệu quả Đề án sẽ có tác động lâu dài đến sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ Năm TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quán triệt, triển khai thực hiện Đề án đến các cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả thực chất.

1.2. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc lập kế hoạch công tác của tập thể, cá nhân; phân công, bố trí cán bộ theo vị trí việc làm đang đảm nhiệm; thống kê nhật ký công việc của cá nhân, phục vụ cho công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đối với cán bộ thông qua sản phẩm công việc và thời gian làm việc.

1.3. Tham mưu, đề xuất cho Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai áp dụng vị trí việc làm trong tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức,

bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo vị trí việc làm được phê duyệt.

1.4. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc chuyển xếp ngạch công chức, viên chức cho phù hợp với vị trí việc làm; tham mưu tổ chức thi nâng ngạch theo vị trí việc làm đúng quy định tại Đề án này và các quy định khác của Trung ương.

1.5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện Đề án, đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Đề án.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch quán triệt, triển khai Đề án trong cán bộ, đảng viên. Hướng dẫn các cơ quan báo chí tỉnh tuyên truyền nội dung Đề án trong Nhân dân.

3. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án. Qua đó, kịp thời phê bình những tập thể, cá nhân thực hiện không nghiêm và kiên quyết xử lý vi phạm (nếu có).

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy và Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh

4.1. Tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung Đề án này đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

4.2. Căn cứ vào Đề án này và bản mô tả vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị theo các quyết định của Ban Tổ chức Trung ương và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tỉnh để xây dựng hoàn chỉnh bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm của từng ngành, báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) để phê duyệt.

4.3. Chỉ đạo, thực hiện việc lập kế hoạch công tác của tập thể, cá nhân; phân công, bố trí cán bộ theo vị trí việc làm đang đảm nhiệm; thực hiện thống kê nhật ký công việc của cá nhân, phục vụ cho công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đối với cán bộ, công chức, viên chức thông qua sản phẩm công việc và thời gian làm việc (*theo Phụ lục 3 đính kèm*).

4.4. Tổ chức triển khai áp dụng vị trí việc làm trong tuyển dụng, đào tạo, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính

trị - xã hội theo vị trí việc làm được phê duyệt và các quy định khác có liên quan của Trung ương.

4.5. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan trong việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, bố trí sử dụng cán bộ theo vị trí việc làm được quy định và số biên chế được giao.

4.6. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo kết quả việc bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để tổng hợp báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Trung ương khi có yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương,
- Vụ Địa phương III, Ban Tổ chức TW,
- Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức TW,
- Vụ Tổ chức - Cán bộ cơ quan, Ban Tổ chức TW,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thị, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nghiêm Xuân Thành